

MTGPMN muốn liên hiệp với VNCH, không có sự can thiệp từ bên ngoài?



Tá 30/4/1975 đến nay, các lãnh tụ đảng Cộng Sản Việt Nam đưa cho rằng cuộc tấn công của công Tội Mưu Thân 1968 là “một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng”. Năm 1985, họ tiếp tục räm rä kä niäm “10 năm giäi phóng hoàn toàn miền Nam, tái thống nhất đất nước”, họ mời hàng trăm ký giả ngoại quốc đến đây. Một nhà bình luận truyền hình Mỹ đã hỏi Thủ tướng Phạm Văn Đồng: “Cuộc tấn công của Tội Mưu Thân là một chiến thắng hay một thất bại? Hãy cho chúng ta cuộc ném bom Hà Nội vào dịp Noel 1972 như thế nào? Một vài người nói rằng nó đã thuyết phục các Ngài nên đi các cuộc đàm phán hòa bình? Lúc đó Ngài có thỏa mãn các điều kiện của hiệp định Paris không?” Ông Đồng trả lời: “Cuộc tấn công kích thích Tội Mưu Thân là một chiến thắng to lớn của Hoa Kỳ phá vỡ xu hướng thắng chiến tranh đi vào đàm phán và bắt đầu rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Bốn năm sau, Hoa Kỳ lại thất bại trong chiến dịch oanh tạc Hà Nội trong mùa Giáng sinh 1972, phải tiếp tục đàm phán đi đến ký kết hiệp định Paris ngày 27/1/1973. Ông Đồng thỏa mãn “Hiệp định Paris là một thắng lợi quan trọng cho Việt Nam với những điều kiện thỏa đáng như: điều 1 bỏ oäm nhäng quyän dân tộc của bên cạnh nhân dân Việt Nam, điều 5 qui định việc rút hết quân đội viễn chinh Mỹ khỏi Nam Việt Nam và điều 21 ghi rõ Hoa Kỳ sẽ góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh và tái thiết Việt Nam theo hướng chiến”.(1)

Sau đó, Hà Nội cho xuất bản quyển Vì sao Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam nhằm hai mục đích: “một là giúp đỡ các giới trong và ngoài nước hiểu sâu hơn, không chỉ những vấn đề của hôm qua mà còn của những vấn đề đang đặt ra cho ngày hôm nay”. Hai là giúp “nhân dân Việt Nam sẽ càng thêm lòng tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của đảng, hun đúc thêm quyät tâm thắng lợi chiến thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. (2)

Đến năm nay, nhà nghiên cứu Nguyễn Việt Nam đã chọn lọc kỹ lưỡng hơn 40 biên cảnh Tội Mưu Thân với bài biên văn “Cuộc tấn công tiến công và nổi dậy Tội Mưu Thân 1968 - Một bài học quan trọng có ý nghĩa mãi mãi đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam ngày nay” của ông Lê Thanh Hải - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Thế kỷ trước đã trôi qua ngày nay khác xa năm 1985. Việt Nam đã bình thường hóa bang giao với Hoa Kỳ từ hơn một thập niên qua và trong những tháng đầu năm 2008 xảy ra vài sự kiện đáng chú ý: HK với sự vận động ký đầu tư 1300 triệu USD kim, đồng đầu danh sách 82 nước đầu tư trực tiếp vào VN trong hai tháng Giêng và Hai 2008. Sang đầu tháng Ba, Christopher Hill - Phó tá Ngoại trưởng HK đã trách Đông Á & Thái Bình Dương đầu Hà Nội theo luận các chi tiết với mối quan hệ song phương Việt Mỹ cùng một sự vận động trong khu vực, chuẩn bị cho chuyến thăm chính thức HK của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Biên cảnh lịch sử đã thay đổi, song hình ảnh với giới lãnh đạo CSVN vẫn trở lại sau một thời gian, khẳng định với lập luận cũ trong khi nhìn nhận lại của cuộc chiến đã được phơi bày. Vì thế, chúng tôi thấy vẫn không thể tha khi nhìn lại cuộc chiến, những điểm tiến bộ của biên cảnh Tội Mưu Thân 1968 - bối cảnh giúp các phe lâm chiến kết thúc chiến tranh VN. Hoài bão của chúng tôi cũng vì mục đích giúp đỡ các giới trong nước và hải ngoại hiểu rõ hơn về những vận động của quá khứ để nhìn nhận tương lai, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam như mong muốn của ông Lê Thanh Hải.

Đón đầu cuộc chiến

Sau Thế chiến II, xảy ra cuộc xung đột giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Quốc gia Cộng sản, đã dẫn đến hai cuộc chiến đẫm máu tại Triều Tiên và Việt Nam. Để chấm dứt chiến tranh, các công quốc quốc gia họp tại Genève 1954 và quyết định chia đôi lãnh thổ hai nước nêu trên, hứa duy trì một nền hòa bình lâu dài cho khu vực xung quanh này. Tại Triều Tiên, HK lãnh đạo liên quân Liên Hiệp Quốc bắt gây máu đổ của Mao Trạch Đông muốn đem toàn bộ bán đảo Cao Ly, đưa đến một nước này trở lại nguyên trạng chia cắt tại vĩ tuyến 38 như các nước đồng minh qui định hồi năm 1945. Còn Việt Nam tạm thời chia đôi tại vĩ tuyến 17. Một cuộc tấn công tuy nhiên đã xảy ra vào năm 1956 đồng thời với VN “với những điều kiện cần thiết bảo vệ cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý muốn của mình”... Những vì các biên cảnh trong nước (cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu ở miền Bắc và việc phân định tình hình miền Nam của Thủ tướng Ngô Đình Diệm) cùng thái độ hòa hoãn của các công quốc quốc gia, nên từ tháng 4/1956 hai đồng chí họp tại Genève 1954 là Liên Xô và Anh Quốc đưa ra những điều kiện: “cuộc tấn công tuy nhiên các thế lực không quan trọng bằng việc duy trì hòa bình”.



Trong tình thế đó, giới lãnh đạo CS miền Bắc liền phát động cuộc chiến giải phóng miền Nam. Đó là hai nhiệm vụ chiến lược: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam để thống nhất nước nhà. Hai nhiệm vụ trên theo Hà Nội là “đề thi đấu để góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa thế giới” (3). Đề thi đấu hiện chỉ trong vòng này Bắc Việt thành lập MTGPMN. Mục tiêu đưa ra chương trình hành động 10 điểm mà nội dung chính là đánh đổ chính quyền NĐD mà hậu quả là “chống thu thuế đưa trả hình của để quốc M”.

Đây là mối quan tâm lớn của HK khi Kennedy lên nắm chính quyền. Ông ta tiên liệu những khó khăn và phức tạp của cuộc chiến này. Đó là cuộc chiến xâm lược của CS xuất phát từ miền Bắc để che đậy dưới hình thức chiến tranh giải phóng, khi đó ở bên cạnh các cuộc nổi dậy của dân chúng miền Nam chống lại chính quyền VNCH. Năm 1954 tại hội nghị Genève, HK tuyên bố sẵn quan tâm để bắt đầu hành động xâm lược mới nào vì phạm đến thỏa hiệp Genève và coi đó như là những hành động đe dọa hòa bình và an ninh thế giới (4)

Biên pháp ngăn chặn xâm lược và tái lập hòa bình ở VN, theo quan điểm của chính quyền Kennedy là biên pháp đã được áp dụng ở Triều Tiên”, nghĩa là quân đội HK phải trở lại can thiệp. Phó tổng thống Johnson nói rằng: “Những kẻ lãnh đạo ở Bắc Triều Tiên đã chống lại chúng sẵn sàng dùng sức mạnh để để cho những gì chúng muốn. Chúng ta đã bắt đầu đánh bại chúng khi đó từ thập niên 1950, những chúng vẫn còn nguy hiểm. Hồ Chí Minh là một thế lực lãnh đạo khác muốn dùng sức mạnh thế giới để kiểm soát toàn thể Việt Miên Lào. Bắc Kinh đã giúp Bắc Triều Tiên và hiện đang giúp Bắc Việt”. (5) Những HK không thể đưa quân vào miền Nam VN theo kế hoạch Triều Tiên vì CSBV chưa công khai xâm lược, họ chỉ lén lút xâm nhập bằng máy bay và vũ khí vào MN, và lại TT Diệm cũng không muốn để cho ông trở thành sân khấu trình diễn sức mạnh của HK.

Từ đầu năm 1964, TT Johnson nhờ Blair Seaborn -đội trưởng Gia nã Đai trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến Đông Dương chuyển đến TT Phạm Văn Đồng nghị u thông điệp kêu gọi Hà Nội đình chiến cuộc chiến ở MNVN. Johnson xác nhận HK không có ý định đưa chính quyền miền Bắc, không muốn duy trì các căn cứ quân sự tại miền Nam VN. HK chỉ yêu cầu Bắc Việt giải đúng những cam kết mà họ đã ký với Pháp năm 1954 ở Genève và thỏa ước 1962 với Lào:

không đưa quân ra khỏi lãnh thổ miền Bắc và đình chỉ gởi chiến lực vào miền Nam. HK hứa sẽ rút quân, đình chỉ quan hệ ngoại giao và việc trợ giúp chính phủ Hà Nội phát triển kinh tế, đình chỉ HK sẽ thuyßt phßc chính phủ Sài Gòn đàm phán trao đổi tù binh và miền Bắc... Nếu không thì Bắc Việt sẽ gánh lấy mọi hậu quả của hành động gây chiến. (6) Đß trß lại, Hà Nội đưa ra những đòi hỏi của họ là: HK phải rút toàn bộ lực lượng ra khỏi MN, một chế độ trung lập sẽ được thiết lập tại đây như chế độ lãnh của MTGPMN và Một trận này sẽ đóng vai trò lãnh đạo trong việc quyßt định tình hình lại MNVN.

Đßu tháng 11/1964, lực công cộng sẽ tiến công phi trường Biên Hòa phá hủy 8 oanh tạc cơ B57, sát hại 5 công nhân Mỹ. Dù có quyßt định của Quốc hội cho phép “tßng thßng Mß đßng thßc hißn nhßng bißn pháp của chiến đấu để đẩy lùi mọi cuộc tấn công vũ trang vào Quân lực Mỹ và đình chỉ các cuộc tấn công khác”, song TT Johnson vẫn kiên quyết những hành động quân sự trực tiếp chống Bắc Việt. Ông chỉ trích “hßn chế sẽ tham chiến của Mß ở Việt Nam” khi tranh cãi với cố vấn dißu hßu Barry Goldwater. Cuối tháng 12/1965, công quân bắt đầu tập trung lực lượng công phá trung đoàn các chiến dịch. Tại Bình Giß (Phßc Tuy) một bộ phận thuộc Sß đoàn Công trường 9 Việt Cộng tấn công vào một căn cứ của quân chính phủ, liên tiếp xa luân chiến với 7,8 tiểu đoàn tăng trở bộ chiến của VNCH để chiến đấu giáp và phi pháo yểm trợ. Đến thời điểm này, những nhận xét của một ký giả Mỹ “thß chỉ còn một khả năng có thể ngăn chặn sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn... đó là sự can thiệp của các lực lượng quân sự HK. Một cuộc chiến tranh trên bộ và trên không của Mß VN không thể nào tránh được” (7)

Sáng sớm mừng 7/2/1965, Công quân mở cuộc pháo kích dữ dội vào căn cứ trực thăng và trại lính Mỹ gần phi trường Pleiku làm 8 binh sĩ chết và 108 bị thương. Lúc bấy giờ TT Liên Xô Kosygin vißng thăm Hà Nội, còn McGeorge Bundy -Cß vấn An ninh quốc gia của TT Johnson đang có mặt tại Sài Gòn. Bundy yêu cầu Johnson có những biện pháp trả đũa tức khắc, ông coi đây là lý do để mở đầu chiến dịch bom Bắc Việt. Johnson ra lệnh mở các trận oanh kích vào các trại huấn luyện Công quân ở Đßng Hải và Vĩnh Linh. Ba ngày sau, lực công đình chỉ tấn công phá hoại của tá Mß ở Qui nhßn làm 23 binh sĩ bị thương, các cuộc không tập Miền Bắc lại tái diễn.

Ngày 27/2/1965, Bộ Ngoại giao HK công bố Báo cáo chính quyền cộng sản ở MB đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược MN. BV đã vi phạm thỏa hiệp Genève 1954 và 1962 mà họ đã ký kết. Nó còn phá vỡ hòa bình ở Đßng Hải và đe dọa những nhân tố do và an ninh của MNVN. Nhân dân MNVN quyßt tâm chiến đấu sẽ đe dọa này và do yêu cầu của họ, HK sẽ đình chỉ bên cạnh nhân dân MN trong cuộc chiến đấu vô sự sẽ ngừng còn của họ. HK không thể nào tìm lãnh thổ, thiết lập căn cứ quân sự hoặc giành được vùng tự do VN... Những HK chấp nhận những điều kiện về hình thức xâm lược. Một khi hòa bình đã được tái lập, HK cam kết sẽ giảm ngay mọi sự can thiệp quân sự ở MNVN... Những HK không bị rơi vào bß trong cuộc chiến đấu vô tự do. (8)

Ngày 7/4/1965, đúng một tháng sau khi HK đưa hai tiểu đoàn TQLC đổ bộ lên Đà Nẵng, TT Johnson tuyên bố tại Đới học Johns Hopkins: sẽ n sàng tháng láng không điáu kián vái các phe liên há đưa trên nháng hiáp ác cũ hoác bá tức báng nháng hiáp ác mái. Mác tiêu cáa HK là nán đác láp cáa mián Nam VN đác báo đám đá há có thá quyát đánh mái liên há riêng cáa há mà không có sá can thiáp tá bên ngoài. Hôm sau, Hà Nội trá lái báng “đáng há 4 đá m”: -Yêu cáu Má rút quân khái mián Nam Việt Nam, -Đình chá chián tranh vái mián Bác, -Công viác mián Nam do nhân dân mián Nam Việt Nam giái quyát theo cáng lánh cáa Mát trán Giái phóng mián Nam (đá m 3), Viác tháng nhát Việt Nam sá do nhân dân hai mián tá quyát đánh không có sá can thiáp tá bên ngoài. Ông PVĐ còn kháng đánh: “Mái giái pháp trái vái láp tráng trên đây đáu không thích háp. Giái pháp muán dùng Liên Hiáp Quác đá can thiáp vào tình hình Việt Nam cũng đáu không thích háp (9)

Hoa Ká cháp nhán đá m ba đá m, chá còn đá m 3 há yêu cáu đác tháo luán thêm tái bàn đàm phán...Nháng Hà Nội bác bá, tá đó HK dùng hai gáng kèm, đái bom mián Bác và tăng quân vào mián Nam đá áp lác Bác Việt ngái vào bàn hái nghá. Đá thuyát phác, Johnson leo thang chián tranh táng bác tá theo mác đá tán công cáa đái pháng, mát chián thuát có trá láu nháng thái gian tám ngáng đái bom, táo cá hái cho BV cháp nhán tháng thuyát. Thái đá mám đáo cáa Johnson khián Hà Nội váng tin là HK không có quyát tâm đánh sám đáu não điáu khián ná lác chián tranh. BV chá có tháng hoác cùng lám là hòa, nên cáng rán không lái bác trác áp lác cáa HK. Táng John P. Connell –tham máu tráng Không quân HK trong đián văn đác tái Câu lác bá Kinh tá Detroit ngày 7/12/1965 đã nói ráng: “Hoa Ká có khá năng tiêu điát Bác Việt và buác Bác Việt phái đáu hàng thác sá trong vòng mát đám...Nháng táng tháng Johnson đã nhán mánh ráng quác sách cáa chúng ta là giá cho cuác chián tranh này á mác đá tháp nhát có thá đác vì nháng lý do nhân đáo cũng nhá chính trá”. Ông đáa ra mác tiêu trong viác oanh tác Bác Việt là làm cho Bác Việt nán lòng trong viác xâm lác mián Nam vì phái trá mát giá đát, cuái cùng phái cháp nhán tháng thuyát không điáu kián” (10)

Quyát đánh đái bom BV đã không làm nhát chí chián đáu mà còn khián Hà Nội gia tăng các hoát đáng xâm nháp vào Nam. Má phái át tăng quân đán VN, trong khi chính phá không há đát ra mác tiêu chián tháng đá kát thúc chián tranh và rút quân vá nác. Tá đó báo chí Má bát đáu ngá vác vá mác tiêu tham chián cáa Má, nghi ngá vá sá thành công cáa các chián thuát quân sá VN. Há lên tiáng phán đái sá can thiáp, khái mào cho sá rút quân Má khái VN. Tá đó, phong trào phán chián ngày càng phát trián.

Tá cuái năm 1966, HK gia tăng các cuác không táp liên tác và đá đái nhám vào các mác tiêu quân sá ngay khu vác ngoái thành Hà Nội. BV cháp nhán đàm phán vái Má. Ngày 21/1/1967, Ban cháp hành Trung áng Đáng Lao đáng Việt Nam ban hành nghá quyát 13 má ra giai đán

đấu tranh ngoại giao kết hợp với đấu tranh quân sự và chính trị. Đầu tháng 2/1967 khi đến thăm Anh quốc, thủ tướng LX Kosygin lên tiếng yêu cầu HK chấm dứt không điều kiện vi phạm oanh tạc miền Bắc để khởi đầu các cuộc thương lượng hòa bình. Do đó ngày 8/2/1967, TT Johnson chính thức gọi đến Chủ tịch Hồ Chí Minh để đề nghị: HK sẽ ngừng ném bom MB và ngừng tăng cường quân lực Mỹ ở MN, nếu BV cũng đình chỉ gọi người và vũ khí vào MN. Sau đó Mỹ và Bắc Việt sẽ tiến hành ngừng cuộc chiến đàm phán giữa quy tắc và nền MNVN. Trong thời kỳ này, Chủ tịch HCM lập để đề nghị 4 điểm của Hà Nội, cho đó là cơ sở để giữa quy tắc và nền MNVN. Ông cho biết nội dung VNDCCCH “không thể thương lượng điều gì sẽ đe dọa của bom đến Mỹ. HK phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện vi phạm ném bom và mọi hành động chống lại nội dung VNDCCCH, khi đó hai bên mới có thể đàm phán và thảo luận ngừng và nền mà hai bên quan tâm”.

Giữa tháng 6/1967, Kosygin đến Mỹ tham dự Hội nghị LHQ, trong cuộc họp kín với TT Johnson ngày 23/6, ông cho biết vấn đề nhân một đề nghị văn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gọi là Hà Nội với nội dung: HK chấm dứt ném bom, hãy sẽ đến bàn hội nghị ngay. Tuy đó có nhiều nội dung giúp HK và Hà Nội đến bàn hội nghị, đáng kể nhất là trung gian của Pháp từ tháng 6/1967. Ông Raymond Aubrac (một người bạn CS từng quen biết HCM hồi năm 1946) và Hervert Marcovich - cả hai là khoa học gia Pháp, nhiều lần đi Hà Nội gặp HCM và TT Phạm Văn Đồng để giúp BV và HK trao đổi ngừng đề nghị. Phía Hà Nội do đội sĩ Mai Văn Bộ phụ trách, còn phía HK là Henry Kissinger. Hà Nội đòi HK ngừng ném bom MB vô điều kiện. HK đồng ý ngừng với điều kiện Hà Nội phải ngừng vào bàn hội nghị để giữa quy tắc và nền miền Nam. Hà Nội đòi HK phải rút khỏi MN và thả nhân MTGPMN. Cuộc cùng BV nhận mệnh: “chỉ sau khi HK chấm dứt không điều kiện vi phạm ném bom và bắt đầu các hoạt động gây hại nào khác chống VNDCCCH thì họ mới có thể nói chuyện”. Ngày 6/10/1967, Wallner - đội viên HK ở Paris như Marcovich trao cho đội viên Hà Nội ở Paris một đề thảo thông điệp xác nhận: Mỹ chấm dứt mọi hình thức đánh phá nội dung VNDCCCH mà không nói đến điều kiện, Hà Nội có thể nhanh chóng tiến hành thảo luận với HK. Wallner nói thêm nội dung đội viên Hà Nội đề nghị, Kissinger sang Paris trao tay cho BV thông điệp với nội dung trên. Hà Nội không trả lời, việc trung gian giữa ông Marcovich và Aubrac với HK và Hà Nội xem như chấm dứt (11)

Vào thời điểm này, đầu tháng 10/1967, HK gọi ngừng đến với TQLC tình nhu cầu trên đóng Khe Sanh, thiết lập một hệ thống các điểm chiến lược kiên cố với quân sự lên đến 6 ngàn. Với căn cứ Khe Sanh, HK tin rằng họ có thể kiểm soát và phá vỡ các mạng lưới tiếp vận vũ khí và các hành lang xâm nhập quân BV trên đường mòn HCM. Nhưng sau đó, không thám và các máy đến thăm khám phá BV đã bố trí nhiều trận địa pháo và hệ thống nhả bao quanh căn cứ, trong khi nhiều số đoàn chiến đấu đang diễn ra với mục tiêu này. Đêm 20/1/1968 Công quân bắt đầu khai hỏa với hàng ngàn hệ thống, tiếp theo là các trận mìn pháo vào căn cứ. Tướng Westmoreland khôn khéo gọi 1500 quân tăng cường lực lượng phòng thủ. Quân Mỹ đổ bộ xuống Khe Sanh để tiến hành tấn công. Lúc bấy giờ các điểm này đang bị bao vây bởi kho súng 19 ngàn quân BV và có khả năng tràn ngập với chiến thuật bí ẩn ngấm ngầm bắt đầu lúc nào. Cuộc điểm này từng gọi là trận Điện Biên Phủ hồi đầu tháng 5/1954, khi nhiều người lo ngại Khe Sanh có thể là chiến trường kết thúc chiến tranh VN... Nhưng tình hình lại diễn ra theo hướng khác với cuộc

Bí n c T t M u Thân và vi c k t thúc chi n tranh Vi t Nam

Tác Giả: Lê Qu Lâm

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 00:24

t ng t n công T t M u Thân: C ng quân đ ng lo t m cu c t n công vào Sài Gòn và h u h t các t nh l i mi n Nam.

T i HK, hình nh Toà Đ i s HK đ c in trên trang nh t các báo v i t a l n “S quán đã b c ng s n chi m” kèm v i l i báo đ ng v con s t n th t c a quân l c M VN trong tháng Giêng và Hai 1968 càng làm cho gi i ph n chi n M tin r ng HK không th th ng VN. Bình lu n gia truy n hình Walker Cronkite đ c xem có nh h ng nh t đ i v i khan gi M nh n đ nh: “Chi n tranh Vi t Nam đang trong tình tr ng tuy t v ng và ch có s th ng thuy t m i đ a n c M ra kh i b t c”. Ông ta nói thêm: “Càng ngày tôi càng th y rõ con đ ng h p lý duy nh t đ thoát ra đ c là s th ng thuy t, không ph i nh là k k chi n th ng mà nh m t con ng i l ng thi n” (12)

Tháng Năm 1968, cu c hòa đàm M và Hà N i khai di n Paris gi a Harriman và Xuân Th y. Tr c đó, TT Johnson tuyên b không tái ng c nhi m k hai. Ông đã hoàn thành nhi m v và dành cho BV vinh đ đ n bàn đàm phán: không ph i d i s đ d a c a bom đ n M mà là chi n th ng M qua bi n c T t M u Thân. Ba tháng tr c khi r i B ch Cung, Johnson quy t đ nh ng ng hoàn toàn vi c ném bom mi n B c, m i hai chánh ph i mi n Nam tham d đàm phán v i HK và BV đ hai bên mi n Nam t quy t đ nh công vi c n i b c a h .

Bí n bi n c T t M u Thân

Lúc b y gi , có nhi u ngu n tin nói r ng HK và Hà N i đã th a thu n “án binh b t đ ng” đ L c l ng vũ trang GPMN đ c toàn l c vào cu c T ng công kích -T ng kh i nghĩa kh p các th tr n, đô th mi n Nam. N u qu th t MTGPMN có u th , đ c s ng h c a dân chúng nh h th ng rêu rao “ki m soát 3/4 dân s và 4/5 đ t đ ai” thì HK s n sàng rút quân đ MTGP qu n lý công vi c MN theo c ng lnh c a h . N u không th ng, MTGP s cùng chính quy n Sài Gòn đàm phán, gi i quy t chi n tranh b ng con đ ng hòa bình. Nh v y, có th nói chi n tr ng Khe Sanh là k “gi ng Đông kích Tây” đ đánh l c h ng âm m u trên. Lúc đó, ai cũng th y CSBV và HK đ u đ n n l c vào Khe Sanh, n i s quy t đ nh cu c chi n. M c nhiên, h đ Quân Gi i phóng Mi n Nam đ s c v i QLVNCH trong d p T t, th i đ i m mà ng i lnh C ng Hòa l là trong phòng th vì đã có l nh h u chi n đ ăn T t c truy n.



Biên cảnh Tội Mưu Thân và việc kết thúc chiến tranh Việt Nam

Tác Giả: Lê Qu& Lâm

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 00:24

Hai mươi năm sau, vào năm 1988, Trần Bạch Đằng - cựu bí thư Thành ủy Sài Gòn- Gia Định, người đã chủ huy cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân - chiến tranh trở ngược đi tìm Sài Gòn đã dành cho ký giả Úc Clayton Jones một cuộc phỏng vấn về biên cảnh này. Ông nói: “Chúng tôi bước vào thời kỳ công kích, dù chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm những giải pháp chính trị khác. Tôi đã thông báo điếu này với chính Đ&# Bunker vào năm 1967 khi chiến tranh sắp là một điếu uất t&#”. Đ&# cho biết từ năm 1966 đến 1969, Việt Cộng đã tiếp xúc những lần với Mỹ để trao đổi tù binh. Chính Bunker đã can thiệp để trở về do cho về của Đ&# là bà Nguyễn Thị Ch&, sau này là ph& tá đ&# của bà Nguyễn Thị Bình tại bàn đàm phán Paris. Trong cuộc phỏng vấn trên, T&# còn tiết lộ, một lần mua sắm Đ&# Bunker, ông nhận một hi&# trên báo “Sao và S&#” của quân đ&# Miền VN, sau đó tòa đ&# cho xe đ&# đón trở về Tòa Đô chánh Sài Gòn. (13)

Ngoài ra, với Trần Bạch Đằng - bà Đ&# sĩ Phạm Thị Yên- cũng đ&# c&# M&# phóng thích năm 1967 “đ&# th&# hi&#n một âm mưu chính trị mới”. Ông TBK là trưởng phái đoàn đ&# tiên của MTGPMN tại hòa đàm Paris. Bà Yên là trưởng ban trí vấn thành phố Sài Gòn bắt đầu kho&ng năm 1961, bắt giam & Côn Đảo. Năm 1967, Mỹ đ&# bà về Sài Gòn, vào bệnh viện để chữa bác sĩ Nguyễn Duy Tài, cho gia đình đ&#n thăm nom. Vài tuần sau Mỹ cho bà lên biên giới Tây Ninh, đ&#a ít tí&#n r&# và báo: Bà đi thăm thì lên Pnôm Pênh, có sự quán của Việt Cộng ở đó. Bà r&# tay một, thì vào chiến khu Việt Cộng. Tùy bà là chiến. Bà quyết định lên Pnôm Pênh. Năm 1968 bà trở về miền Nam và qua đ&#i sau của sự ác tính năm 1971.(14)

Tiết lộ của Trần Bạch Đằng về việc ông tiếp xúc với Đ&# sĩ HK Bunker trước khi xảy ra biên cảnh Tết Mậu Thân đã giải toả một bí ẩn lớn mà từ trước nay những người nghiên cứu chiến tranh VN luôn thắc mắc. Họ tin rằng đã có một thỏa thuận ngầm nào đó giữa HK và CSVN về biên cảnh này... Những ch&#a có tài liệu chứng minh, phải dành cho nó hai chữ “t&#n nghi”. Nhưng ta còn có lý do để nghi ngờ, vì Kissinger cho phép công bố một số tài liệu bí mật của ông sau khi ông chết 5 năm.

Việt Hoa Kỳ án binh bất động trong những ngày đầu của trận tấn công công kích, có phải họ đã “t&#ng kết t&#u kết” để th&#c hi&#n kết “đ&#u h&# ly sự” (đ&# c&#p r&#i núi)? để làm phá sự chiến lược của Mao: lấy nông thôn bao vây thành thị, rồi mở cuộc tấn công tấn công hào nhân dân tấn công nội đô y chiến lĩnh thành phố và các tỉnh quân lực Miền Nam giành toàn bộ chánh quyền. Tính đó sai lầm: “Việt Cộng đã chủ một thời kỳ quân sự những năm. Hàng chục ngàn cán binh cuộc tấn nh&#t, có kinh nghiệm nh&#t từ vùng rừng núi nh&#y vào vùng đ&#ng b&#ng và thôn quê gánh ch&#u nh&#ng trở về một bom ch&#t ng&#i. Việt Cộng một của một thời kỳ chiến binh và nhân dân thành phố cũng không chịu nổi d&#y theo chúng”. (15) Như đó, Hà Nội mới chấp nhận đàm phán theo đề nghị của HK.

Ai thắng, ai bại trong biên cảnh Tết Mậu Thân?

Sau này, Thủ tướng từng Tr& Văn Trà nhận xét: “Đi vào thực tế chiến đấu quy& t& nh& n& nh& v& y mà Bộ Chính trị chỉ dành cho các cấp chỉ h& tr& ng có ba tháng, thực là quá ngắn ngủi”. Ông cho biết mục tiêu đ& ra là “Tiêu diệt và làm rã tuy& t& đ& i b& ph& n quân đ& i Sài Gòn, đánh đ& chính quy& n các cấp và giành toàn b& chính quy& n v& tay nhân dân” và “tiêu diệt m& t ph& n quan tr& ng sinh l& c và ph& ng ti& n chiến tranh c& a M& ” thì thực là v& t& quá nhiều khả năng thực tế ta có. Thực tế ta không đ& s& c -l& c l& ng ta chỉ b& ng 1/5 c& a M& và quân đ& i Sài Gòn v& b& binh. Còn không quân, h& i quân và c& gi& i thì chúng có & u thực tuy& t đ& i”... Ông chưa chất kết luận: “Nh& v& y đ& ra chỉ tr& ng TCK-TKN đ& giành toàn b& chính quy& n v& tay nhân dân” mà cán b& và chỉ h& n sĩ ta di& n đ& t g& n và đ& n gi& n lúc đó là “đ& t đ& m” thì thực là hoàn toàn không thực tế, không thực tế chiến đấu, v& t& quá sức c& a ta và coi thực tế khả năng và ph& n & ng c& a M& ”. (16)

Trong một bài khác, Thủ tướng Trà viết: “trong Tội Mưu Thân, ta không đánh giá đúng v& thực tế quan l& c l& ng ta đ& ch& thực lúc & y, không thực tế khả năng còn l& n c& a đ& ch& và đ& u ki& n còn h& n chỉ c& a ta, đ& ra yêu c& u cao quá sức thực tế ta có. Nghĩa là ta không đ& a vào số tính toán khoa học, cân nhắc sâu s& c m& i y& u t& mà có ph& n & o thực tế đ& a vào số mong muốn chỉ h& n. Chính vì v& y...chúng ta đã ph& i chỉ h& u m& t hy sinh thi& t h& i l& n lao v& s& c ng& i, s& c c& a, đ& c biết là cán b& các cấp, làm cho sức ta y& u xu& ng rõ rệt. Sau đó không nhận ta không gi& đ& c thực tế các thành t& u đã đ& t đ& c mà còn chỉ h& u muôn vàn khó khăn tiếp theo trong những năm 1969-1970. (17)

Năm 2006, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Melvin R. Laird xác nhận: các tr& n thực công kích tội Tội Mưu Thân “chính là một chiến thắng của Nam Việt Nam và là một thất bại của Quân đội miền Bắc với số thiệt mạng của 289 ngàn binh sĩ trong năm 1968. (18)

MTGPMN mưu n liên hiệp với VNCH, không có sự can thiệp từ bên ngoài?

Trong một tháng đầu của cuộc đàm phán bên bên, Hà Nội vẫn chưa có gì pháp nào mới cho vấn đề MN. Họ vẫn căn cứ vào lập trường 4 điểm đ& ra t& 8/4/1965. Còn MTGP thì đ& a vào c& ng lãnh ngày 20/12/1960 do Hà Nội soạn thảo: đòi M& ch& m đ& t xâm l& c, rút quân và t& b& chính quy& n Sài Gòn. Bộ trưởng, ngày 7/5/1969 trong cuộc m& t đàm v& i Xuân Thủy, đ& i s& Lodge cho biết sự đ& ngh& m& t gi& i pháp mới cho vấn đề MNVN theo nh& tuyên b& của ông Tr& n B& u Ki& m (MTGP) trong phiên họp th& 14 ngày 26/4/69: “Thực tuy& n c& t& do có thực m& đ& ng cho m& t cuộc thảo luận b& ích và đ& ngh& MTGP nói chuy& n v& i Sài Gòn”. (19)

Sau biên cảnh Tội Mưu Thân, qua ba đợt tấn công kích trong năm 1968, lực lượng vũ trang MTGP hầu như bị tan rã, hàng tấn công số bị đánh bật khỏi nông thôn, số lực lượng vũ trang còn sót lại phải chuyển sang Miền. Ngày 8/6/1969, MTGPMN kết hợp với Liên minh cộng sản Ls Tru&nh Đ&nh Th&o thành lập Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa MNVN. Sau đó, Tru&n B&u Ki&m, trưởng phái đoàn CP/CMLT công bố toàn văn “Lập trường 10 điểm” ngày 8/5/1969 trong một phiên họp công khai tại hội nghị bốn bên. Họ không còn đòi giải quyết công việc nội bộ MN theo công lệnh cộng sản, mà số do nhân dân MN tự quyết định, không có sự can thiệp cộng sản ngoài. Và “trong thời gian tạm thời hòa bình để các lập luận cho đến khi tạm ngưng tuyển dụng không một bên nào được công bố nhân dân miền Nam VN phải chấp nhận chế độ chính trị của mình” (điểm 4 & 5).

Một ngày sau, trong cuộc đàm phán, Kissinger nói với Lê Đức Thọ: khi TT Phạm Văn Đồng đưa ra “lập trường 4 điểm” ngày 8/4/1965 để trả lời đề nghị đàm phán của Mỹ. TT Johnson chấp nhận ba điểm, chỉ có một điểm, HK không thể chấp nhận, đó là nội dung điểm 3: “Công việc miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết theo công lệnh cộng sản Mỹ từ ngày Giải phóng miền Nam, không có sự can thiệp bên ngoài”. Đó đến nay quý vị vẫn duy trì “lập trường trước của sau như một cộng sản VNDCCH”, nay công lệnh cộng sản MTGPMN đã thay đổi. Chúng tôi thấy lập trường 10 điểm của Chính phủ CMTL có nội dung trùng hợp với kế hoạch hòa bình 8 điểm của HK. Hai bên HK và VNDCCH có thể dung hòa hai đề nghị trên để kết thúc chiến tranh. Kế hoạch 8 điểm của Mỹ được TT Nixon trình bày trên hội nghị truy cập hình ngày 14/5/1969: Mục đích rút quân nhanh chóng, không mục đích tìm kiếm căn cứ quân sự ở NVN, đòi hai bên cùng rút quân trong vòng 12 tháng sau khi có hiệp định nhân dân miền Nam VN quyết định công việc nội bộ của họ. HK đề nghị để Mỹ từ bỏ GPMN tham gia vào đời sống chính trị ở NVN, tham gia vào tạm ngưng tuyển dụng tạm do có giám sát và kiểm soát quốc tế. (20)

Đó cuộc đàm phán Paris đi thẳng vào vấn đề chính là giải quyết cuộc chiến tại miền Nam VN. Sau này, ông Lưu Văn Lương phải tá Lê Đức Thọ viết là: “Đây là một bất ngờ” mà Hà Nội không tiên liệu vì lập trường mới của MTGPMN. Tuy trước đó giải, trên bàn đàm phán chỉ có hai kế hoạch giải quyết vấn đề VN. Một với hai điểm chủ yếu là quân miền Bắc cùng rút với quân Mỹ và giải chính quyền Sài Gòn. Còn phía VNDCCH thì đòi giải quân miền Bắc của Mỹ MN sau khi Mỹ rút, xóa bỏ chính quyền Sài Gòn”. Nay lập trường 10 điểm của Chánh phủ CMLT chỉ trưởng liên hiệp giải hai chính phủ ở miền Nam. Hà Nội nhận xét: “Mỹ đang có ưu thế ở MN và tạm nhiên mục đích giải quyết vấn đề trên thế mạnh. Phía VN phải chấp nhận đời sống. Cần có thời gian để khôi phục lại tình thế cách mạng và chiến tranh nhân dân ở MN”. Họ phê phán MTGP: “Ngay trong vấn đề chính phủ liên hiệp đưa ra trong hoàn cảnh hàng tấn công số của ta tan rã lúc đó, nếu để chấp nhận ra thì có thể cũng là một khó khăn cho ta”. (21) Hơn nữa, Tru&n B&u Ki&m một chỉ trưởng phái đoàn Chánh phủ CMLT.

Trong lá thư để ngày 25/8/1969, trả lời đề nghị của TT Nixon “sẵn sàng thảo luận những kế hoạch khác” để bắt đầu là 10 điểm của MTGPMN, Chủ tịch HCM cho rằng kế hoạch 10 điểm của

Một trận GPMN là cả sự logic và hợp lý để giải quyết vấn đề VN. “Mười năm có hòa bình, Mười phần trăm chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi MNVN, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân MNVN và của dân tộc VN. Đó là con đường để Mười rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự. Với chiến thắng của phía Ngải và phía chúng tôi, chúng ta có thể đi tới những cuộc gặp chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề VN”. Đây vẫn là kiến nghị ngoại giao cùng của HCM (22)

Từ cuối tháng Ba 1972, Hà Nội mở cuộc tấn công mùa Hè ở Quảng Trị, Bình Định, Kontum, Bình Long... Ngày 8/5/72 Nixon ra lệnh thả mìn, phong tỏa các công trường Hà Nội, Hải Phòng. Cùng ngày Nixon gửi điện TT Thiệu lá thư thông báo quyết định này. Ông xác nhận “Xin Ngải cũng như xin tôi không bao giờ bắt Hà Nội phải chấp nhận một sự thất bại quân sự. Chúng tôi luôn luôn cố gắng chấm dứt cuộc xung đột qua ngõ thông qua thuyết đàm phán cách để cho nhân dân MNVN còn được sống hòa bình quyết định tương lai mình mà không bị bên ngoài ép buộc hay can thiệp”.

Ngày 22/6/1972 Kissinger điện Bộ Kinh tế quốc tế Trung Cộng hợp tác với Mười biện pháp chấm dứt cuộc tranh chấp quốc tế ở Đông Dương thành cuộc tranh chấp địa phương, để cho người dân Đông Dương tự quyết định số phận của mình. Kissinger nói với Chu Ân Lai “Tôi cam đoan quyết định tự quyết là một tiêu chuẩn của Hoa Kỳ ở Đông Dương và tôi tin Trung Quốc cũng muốn thế. Chúng tôi không muốn tranh giành gì cả”. Ông cam kết với Chu Ân Lai: “một dù chúng tôi không thể mang một chính quyền của người dân Nam Việt Nam, nhưng nếu nó là kết quả của một di sản biện pháp chính trị thì chúng tôi phải chấp nhận kết quả đó”. Cách đây hai năm khi tài liệu năm 1972 nói trên được giải mã, Kissinger tái xác nhận: “Nếu họ thả thu được một kết quả, một dàn xếp dân chủ, chúng tôi sẽ để nó phát triển theo tiến trình riêng của nó”. Ông nói thêm “chấp nhận của người dân không có nghĩa là mong cho việc đó xảy ra”. (23)

Trước áp lực của nhân dân HK để kích thích chiến tranh, Hà Nội chấp nhận một bước thoái bộ để chấm dứt chiến tranh VN vào cuối tháng 10. Nhưng sau đó TT Nixon phải dùng đến sức mạnh của B52 oanh tạc Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm hội Giáng sinh 1972, CSBV phải chấp nhận lùi bước và ngừng. Hiệp định “chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình ở VN” đã hoàn tất ba tuần sau đó và được chính thức ký kết tại Paris ngày 27/1/1973.

Và để ngụy biện chiến thắng

Sau hiệp định Genève 1954, do sự dàn xếp của các công quốc quốc, HK điện mời Nam Việt Nam. Hội biện pháp này “thành một tờ kính trọng bày tỏ phần vinh và nhục từ do kẻ thù Miền Đông Nam Á” theo như nhận xét của ông Trần Bộ trưởng (24), Hà Nội coi đó là hình thức “thực dân mới” nên

Biến cố Tết Mậu Thân và việc kết thúc chiến tranh Việt Nam

Tác Giả: Lê Quá Lâm

Thứ Hai, 10 Tháng 1 Năm 2011 00:24

phát động chiến tranh giải phóng miền Nam, đưa các nước vào quỹ đạo Công xã nhân quyền. Tính đến năm 1965, chiến tranh VN đã kéo dài 20 năm (1946-1965). Vào thời điểm này cuộc chiến tranh đã bùng nổ lớn giữa Mặt trận Giải phóng Miền Nam đưa các Công xã nhân Bản công nông học tập mác tiêu thắng lợi đến nước và Việt Nam Công xã Hoà chiến đấu bảo vệ nhân dân chống lại do. Các hai mục tiêu đấu có chính nghĩa, vì thế cuộc chiến khó có thể kết thúc dễ dàng mãi mãi đôi bên. Trong tình thế đó, HK phải trực tiếp can thiệp, đưa ba bên VN vào bàn đàm phán, giải quyết cuộc chiến bằng con đường hòa bình, bằng quy định tự nguyện của người dân VN. Đó là điều HK đã cam kết trong Bản tuyên bố riêng khi hội nghị Genève 54 kết thúc: nước sẽ chia cắt lãnh thổ VN phải lấy ý nguyện của người dân VN thì HK sẽ tìm kiếm sự thắng lợi VN qua cuộc ngưng tay tự do do LHQ giám sát, nhằm bảo đảm cho người dân hành xử quy định của mình một cách trung thực.

Hội nghị Paris 1973 đáp ứng nguyện vọng của toàn dân: -đạt nước hòa bình, để lập, thắng lợi, dân chủ và tự do. Nhân dân thế giới vì hòa bình và hòa hợp dân tộc, kiên trì đấu tranh nước thế giới ủng hộ chiến tranh và sự đóng góp của HK giúp VN hàn gắn vết thương chiến tranh. Việt Nam không còn là địa bàn xung đột giữa các công xã quyền, sự mang lại hòa bình và ổn định lâu dài tại khu vực Đông Nam Á. Vì thế HĐ Paris 1973 đã đưa các mặt hội nghị quốc tế trong đó bao gồm mọi thành viên thế giới trực tiếp Hội đồng Bảo An, ký bản Điều kiện ngày 28/2/1973 trực tiếp sự chấp thuận của ông Tổng thống ký Liên Hiệp Quốc Kurt Vanheim trực tiếp ghi nhận: “tuyên bố tán thành và ủng hộ hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Cuộc chiến VN kết thúc, sau khi ông Dương Văn Minh ra lệnh Quân lực Việt Nam Công xã Hoà buông súng. Hành động của ông Minh có người khen chê, song động trên bình diện đạo lý, ông Minh đã hy sinh tình riêng vì nghĩa chung. Đạt nước thắng lợi sự chấm dứt chiến tranh -cuộc chiến đã kéo dài quá lâu gây nên thảm họa ba thế kỷ. Có hòa bình mới có thể kiến tạo lại đất nước, dân chủ tự do, dân giàu nước mạnh, đó là nghĩa vụ của những người lãnh đạo đất nước.

Năm 1985, thế giới Phạm Văn Đồng ghi nhận ba điều kiện đáng của HĐ 1973 mà ông coi là “thắng lợi quan trọng cho (Công xã nhân) Việt Nam”. Thế ra điều 1 của HĐ Paris 1973 chấp nhận nguyên văn điều 1 của HĐ Genève 1954. Điều 5 đưa chấm dứt chiến tranh và tôn trọng quy định tự nguyện của nhân dân miền Nam Việt Nam. HK đã nói rõ điều này thời hội nghị đấu tranh vào chiến tranh. Điều 21 là trực tiếp của HK, sau Thế chiến II hội đã giúp các nước tham chiến kết thúc các nước bại trận phục hồi và phát triển kinh tế. Còn những thắng lợi của nhân dân Việt Nam đưa ghi trong hội nghị thì bản CSVN thực tế bản nhá: -quy định tự nguyện của nhân dân Việt Nam là thiêng liêng bất khả xâm phạm (điều 9); -thế giới vì hòa bình và hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù, cấm mọi hành động thù và phân biệt đối xử ...; -bảo đảm các quy định tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tôn giáo, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do công trú, tự do làm ăn sinh sống, quy định hợp tài sản và tự do kinh doanh (điều 11).; việc thắng lợi nước Việt Nam sự đưa thế giới tin tưởng vào công xã nhân quyền pháp hòa bình trên cơ sở bản công và thế thu giải a

mi& n B& c và mi& n Nam, không bên nào c& ng ép ho& c thôn tính bên nào (đi& u 15).

Tình tr& ng đ& t n& c t& t h& u ngày nay là do thù h& n và chi& n tranh. Ông H& Chí Minh là y viên Qu& c t& C& ng s& n, đ& ng nhiên ông ph& i ph& c v& t& qu& c Xã h& i ch& nghĩa Sô Vi& t. Ông mu& n Vi& t Nam tr& thành tên lính xung kích đ& u tiên c& a th& gi& i cách m& ng đ& ng lên ch& ng th& c dân đ& qu& c theo ch& tr& ng c& a Stalin. Ông hô hào nhân dân chi& n đ& u ch& ng M& đ& n cùng, dù có hy sinh “m& t ch& c, hai ch& c tri& u ng& i”, ph& i “s& n sàng chi& n đ& u 5 năm, 10 năm hay lâu h& n n& a”, dù có “đ& t c& d& y Tr& ng S& n”, dù “Hà N& i, H& i phòng tr& thành bình đ& a”v.v. Còn ông Lê Du& n k& nghi& p ông H& thì tuyên b& “Ta đánh M& là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Qu& c” (25) Riêng th& gi& i cách m& ng nh& Trung C& ng thì mu& n “đánh M& đ& n ng& i Vi& t Nam cu& i cùng” nh& nh& n xét c& a t& ng M& Maxwell Taylor. Ch& có cách đó, Trung C& ng m& i ngoi lên ngang hàng v& i Liên Xô và Hoa K& , t& nh& n là lãnh t& Th& gi& i th& ba. T& chi& n tranh VN, Trung C& ng ch& ng M& r& i quay sang ch& ng Liên Xô r& i nh& M& , các n& c Tây ph& ng và Nh& t giúp TQ th& c hi& n “B& n hi& n đ& i hóa”.

Còn tên lính xung kích tiên phong c& a phong trào cách m& ng th& gi& i, t& hào là “m& t n& c nh& đã đánh b& i th& c dân Pháp, đ& qu& c M& và b& n bành tr& ng B& c Kinh” thì v& n còn là m& t n& c nh& đúng nghĩa, vì s& nghèo nàn l& c h& u, không có dân ch& dân ch& t& do. Tên lính xung kích đó đã b& các c& ng qu& c s& đ& ng nh& con ch& t thí trong v& n c& c& a h& . Đó là bài h& c cay đ& ng c& a dân t& c.

Mong r& ng nh& ng y viên B& Chính tr& đ& ng CSVN xu& t thân t& MTGPMN, nhìn l& i bi& n c& T& t M& u Thân. N& u l& p lu& n c& a ông Ph& m Văn Đ& ng năm 1985 ph& n ánh trung th& c s& th& t c& a l& ch s& , thì nhân dân ph& i “c& ng c& thêm lòng tin vào s& sáng su& t c& a đ& ng, hun đúc thêm quy& t tâm th& c hi& n nhi& m v& xây đ& ng và b& o v& t& qu& c Vi& t Nam xã h& i ch& nghĩa”. Còn trái l& i, thì xin hãy quý v& nghĩ đ& n ti& n đ& dân t& c và nghĩa v& c& p thi& t hi& n nay là b& o v& T& Qu& c, đ& t& o c& h& i đoàn k& t toàn dân.

Lê Qu& Lâm

Chú thích:

(1) & (2) Ph& m Văn Đ& ng.et al., Vì sao M& th& t b& i trong chi& n tranh xâm l& c Vi& t Nam. Nxb.

S& Th& t, Hà N& i, 1985, Tr. 3-4 & 7-9.

(3) H& c vi& n Quan h& Qu& c t&, Th& ng l& i có tính th& i đ& i và cu& c đ& u tranh trên m& t tr& n đ& i ngo& i c& a nhân dân ta. Nxb. S& th& t, Hà N& i, 1985, Tr.88.

(4) The Pentagon Papers. The Senator Gravel Edition, Beacon Press, Boston, 1971, Vol II, P. 52.

(5) & (6) Lyndon B. Johnson, The Vantage Point, Perspectives of the Presidency. Redwood Press Ltd, London, P.53 + 67.

(7) Neil Sheehan, A Bright Shinning Lie. Picador, London, 1990, P.382.

(8) Henry Steele Commager, Documents of American History. Vol II: Since 1898, Prentice Hall, Inc, New Jersey, 1973, P.698.

(9) Ph& m Văn Đ& ng, Th& ng l& i vĩ đ& i, T& ng lai huy hoàng. Nxb. S& Th& t, Hà N& i, 1975, Tr. 170/72.

(10) Detroit 7/12-AP

(11) Nguy& n Đ& c Thi& n, Di& n ti& n và h& u qu& H& Paris 1973 v& Việt Nam. T& L& c, HK, 2005, Tr.162-179

(12) Edward Jay Epstein, Between Facts and Fictions. Vintage Books, New York, 1975, PP. 81/82.

(13) John Clayton, "Twenty Years Ago: The Tet Offensive - Viet Says: We Were Forced into Tet", The Christian Science Monitor, Vol 80, Feb 1-7, 1988.

(14) Chung m& t bóng c& (v& M& t tr& n Dân t& c Gi& i phóng MNVN). Nxb. Chính tr& Qu& c gia, Hà N& i, 1993, Tr.947-49.

(15) Don Oberdorpher, Tet. Doubleday & Co, New York, 1971, P.P.329/30.

(16) Chung m& t bóng c&. S&d, Tr. 305.

(17) Tr& n Văn Trà, Kể t thúc cu& c chí n tranh 30 năm. Nxn. Văn Ngh&, TP/HCM, 1982, Tr.75-76.

(18) Nguy& n Qu& c Kh& i, "Sau 30 năm gi& yên l& ng, c& u B& tr& ng Qu& c phòng Hoa K& Melvin R. Laird nói gì v& cu& c chí n tranh Việt Nam", Talawas, ngày 3-3-2006.

(19) – (22) L& u văn L& i & Nguy& n Anh Vũ, Các cu& c th& ng l& ng Lê Đ& c Th& & Kissinger t& i Paris. (không ghi xu& t x&) Tr. 70 & 75 và 85-86.

(23) AP, 26.05.2006

(24) Chung m& t bóng c&. S&d, Tr. 857.

(25) Vũ Th& Hiên, Đêm gi& a ban ngày (h& i ký chính tr& c& a m& t ng& i không làm chính tr&). Nxb. Văn Ngh&, California, 1997, Tr. 422 (ph& n chú thích).